

LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO KINH CHÚ GIẢI

QUYỂN 3 (Phần 1)

Phẩm 3: NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM

1. Nói về ba thứ thân ý sinh:

Khi ấy, Đức Thế tôn bảo Đại Bồ-tát Đại Tuệ rằng: Nay ta sẽ phân biệt tướng chung của thân ý sinh. Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Có ba thứ thân ý sinh. Là thân y sinh Tam-muội lạc chánh thọ thân ý sinh, giác pháp tự tánh tánh thân ý sinh và chủng loại câu sinh vô hành tác. Người tu hành biết rõ tướng Địa thứ nhất tiến lên các địa được ba thứ thân”: Ba thứ thân ý sinh là đạo tự hành hóa tha của Bồ-tát Thông giáo, là Bồ-tát chẳng thể không biết, cho nên Như lai không đợi hỏi mà Đức Phật tự nói, ban đầu nêu bày ba tên, sau giải thích.

a) Nay “Đại Tuệ! Thế nào là thân ý sinh Tam-muội lạc chánh thọ? Nghĩa là Tam-muội lạc chánh thọ của Thứ ba, Thứ tư, thứ năm Địa, cho nên các thứ tự tâm vắng lặng, an trụ trong biển tâm, tướng thức dậy sóng chẳng sinh. Biết cảnh giới tự tâm hiện tánh phi tánh, đó gọi là thân ý sinh Tam-muội lạc chánh thọ”. Nói Tam-muội lạc chánh thọ thân ý sinh, Bồ-tát này từ Tam địa đến Tứ địa dứt bỏ kiến hoặc, từ Ngũ địa đến Địa thứ bảy dứt tư hoặc, được chân không Tam-muội lạc. Tam-muội, Hán dịch là Chánh thọ. Nói Tam-muội lại nói chánh thọ, Hoa Phạm gồm nêu. Thân ý sinh, nghĩa là tác ý thành thân pháp tánh chân không. Các thứ tự tâm v.v... nghĩa là Bồ-tát chứng khác với Nhị thừa tâm sinh đắm vị, bị tướng gió thổi động, cho nên nói an trụ biển tâm. Lại khác với phàm phu dậy sóng mồi sáu thức, vì hiểu rõ tất cả cảnh giới chỉ do tự tâm hiện, đều không tự tánh. Đó gọi là thân ý sinh

ban đầu, đây là tự hành.

b) Đây “Đại Tuệ! Thế nào là thân ý sinh giác pháp tự tánh? Nghĩa là địa thứ tám quán sát hiểu rõ các pháp như huyễn v.v... thấy đều không thật có, thân tâm chuyển biến, được Tam-muội như huyễn và các môn Tam-muội khác, vô lượng tướng, lực, tự tại, minh như hoa đẹp trang nghiêm chóng được như ý. Ví như huyễn mộng, trăng đáy nước, bóng trong gương, chẳng phải năng tạo chẳng phải sở tạo. Tất cả sắc các thứ chi phần đầy đủ trang nghiêm, nhập vào bất cứ cõi Phật nào trong tất cả cõi Phật có đại chúng, thông đạt pháp tự tánh. Ấy gọi là giác pháp tự tánh ý sinh nhân”. Đây nói Bồ-tát nhập Địa thứ tám, hiểu rõ các pháp như huyễn, đều không có thật tướng, thân tâm chuyển biến không ngăn ngại, trụ các môn Tam-muội như huyễn, đến khắp cõi Phật, thân thông tự tại, như hoa đẹp trang nghiêm. Nhanh chóng trở xuống là nói như ý như huyễn v.v... đều nói hóa thân nhanh chóng vô ngại. Chẳng phải năng tạo, chẳng phải sở tạo: nghĩa là hóa thân sắc tướng khác với tứ đại thật tạo. Như năng tạo sở tạo, nghĩa là sắc tướng này tương tự với tạo. Như vậy huyễn tạo sắc tướng, đầy đủ phước tuệ trang nghiêm, thân đến các cõi nước, thông đạt các pháp này chỉ có tánh của ngã tự tánh. Đó gọi là tự tánh thân ý sinh. Đây thuộc về hóa tha.

c) Đây “Đại Tuệ! Thế nào là Chủng loại câu sinh vô hành tác thân ý sinh? Nghĩa là giác tất cả Phật pháp duyên, tự được tướng vui. Ấy gọi là chủng loại câu sinh vô hành tác thân ý sinh. Đây Đại Tuệ! Đối với tướng ba thứ thân kia quán sát giác rõ, phải nên tu học”, ban đầu thì từ sinh tử giả nhập Niết-bàn không, kể là từ Niết-bàn không nhập lập ra giả, vẫn còn hai bên. Nay nhập Trung đạo, nghĩa là giác tất cả Phật pháp, v.v... Nói Bồ-tát từ Địa thứ tám trở lên kể vào địa vị Hồi Hướng. Biết rõ tướng các pháp mà các Đức Phật tự chứng tức là tự tâm ta, cho nên nói tự được tướng vui. Nói chủng loại câu sinh, bộ Phụ Hành chép: liễu ngộ pháp Phật chứng tức nhập Trung đạo, thuộc chủng loại Phật. Có chỗ cho rằng ngàn muôn chủng loại chẳng phải cũng tự nhập vào trong; căn cơ hóa độ cũng thành chủng loại Phật, nên gọi là câu sinh. Đến địa vị này, trí chuyển hành dung thông, gọi là vô hành tác, chưa chứng nhập đạo chỉ gọi là ý sinh, đó gọi là tướng ý sinh thứ ba. Ba thứ thân tướng này, là y cứ địa vị thứ lớp mà nói riêng. Trong quyển hai nói thí như ý đi nhanh chóng, y theo hai nghĩa xứ và nguyện mà giải thích, đó là giải thích chung, khuyên răn tu học như văn rất dễ hiểu.

2. Đức Thế tôn nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

*“Chẳng ta ngồi Đại thừa
Chẳng nói cũng chẳng chữ
Chẳng đế, chẳng giải thoát
Phi cảnh giới hữu vô
Song nương vào Đại thừa
Được chánh định tự tại
Được các thân ý sinh
Hoa tự tại trang nghiêm”.*

Bốn câu đầu của bài kệ y theo sự tự chứng của Như lai lia tướng đều do phi ngôn, nghĩa là dù Đại thừa do lia tướng nên không thừa mà có thể nương. Bởi lia các danh tướng, vô chứng vô đắc mà cũng chẳng phải không có cảnh giới để nêu bày. Nhưng nương Đại thừa này, Thừa là năng thừa, Ma-ha-diễn tức là pháp sở thừa, chính là chỉ cho ba thứ thân ý sinh, đó là pháp Đại thừa. Tam-ma-đề tức sơ thân ý sinh trên. Các thứ ý sinh vượt ngoài chủng loại câu sinh thân. Hoa trang nghiêm là thân ý sinh trong bài tụng thứ hai.

3. Nói về năm nghiệp Vô gián:

“Khi ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Như Thế tôn nói nếu người nam, người nữ gây ra năm nghiệp Vô gián chẳng vào địa ngục Vô gián. Bạch Đức Thế tôn! Vì sao người nam, người nữ gây ra năm nghiệp Vô gián mà không đọa vào địa ngục Vô Trạch. Phật bảo Đại Tuệ: lắng nghe! Lắng nghe! Hạy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: thế nào là năm nghiệp Vô gián? Đó là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, tâm ác làm thân Phật chảy máu”. Năm Nghiệp Vô gián rất ác nghịch, hễ người nào gây ra nghiệp này thì phải chịu quả báo đọa vào địa ngục Vô gián. Có lúc Như lai bảo rằng: cũng có người gây ra năm nghiệp Vô gián mà chẳng đọa vào địa ngục Vô gián: Vô Trạch tức Vô gián. Đại Tuệ chưa hiểu nên hỏi Phật, trong lời đáp trước hết y theo sự để nêu danh, kế là y theo pháp để giải thích. Danh từ tuy nghịch nhưng pháp thật chỉ thuận theo, nghĩa thấy ở văn sau.

4. Nếu dứt tham ái vô minh căn bản này tức là nghĩa giết cha mẹ:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là mẹ chúng sinh? Nghĩa là ái lại thọ sinh, cùng đi chung với tham và hỷ, như duyên nơi mẹ mà sinh thành. Vô minh là cha, sinh vào xóm làng sáu nhập mười hai xứ. Dứt bỏ hai thứ căn bản này gọi là giết cha mẹ”. Tham ái là mẹ, vô minh là cha, tức

trong mười hai nhân duyên. Ái hiện tại lại từ thọ sinh, đi chung với tham và hỷ đời vị lai, đều có nghĩa sinh, như mẹ nuôi nấng. Lập tức sinh, do vô minh tham ái mà sinh vào xóm làng sáu nhập, mười hai xứ... Nếu dứt bỏ tham ái vô minh căn bản này tức là nghĩa giết cha mẹ.

5. *Nêu ví dụ về người bị chuột cắn dụ cho A-la-hán:*

“Các sử kia chẳng hiện như chuột độc phát các pháp, rớt ráo dứt bỏ nó gọi là hại La-hán”. Các sử kia chẳng hiện, nghĩa là La-hán đã dứt bỏ chánh sử, chưa dứt bỏ thói quen, như chuột cắn người vết thương tuy đã lành, nhưng gặp sấm chớp lại phát sinh. Dụ cho La-hán thói quen tuy không hiện nhưng gặp tướng gió lại bị dao động, như ngài Ca-diếp nghe tiếng đàn liền đứng dậy nhảy múa. Các pháp là pháp vô tri bất nhiễm ô, nếu dứt bỏ rớt ráo tức là nghĩa hại La-hán.

6. *Nói về phá tăng*

“Thế nào là phá tăng? Nghĩa là các ấm tướng khác hòa hợp chứa nhóm, dứt bỏ nó một cách rớt ráo gọi là phá tăng”. Hòa hợp gọi là tăng. Do năm ấm hòa hợp mà nói thì tướng khác là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chứa nhóm tức năm ấm chứa nhóm sinh tử. Nếu dứt bỏ được tức là nghĩa phá tăng.

7. *Nói về năm Vô gián bên trong và tổng:*

Này “Đại Tuệ! Do bất giác ngoại cảnh tự tướng, cộng tướng, từ tự tâm hiện lượng nên bảy thức thân do ba thứ giải thoát vô lậu ác tướng, dứt bỏ rớt ráo bảy thức Phật, gọi là ác tâm làm thân Phật ra máu. Nếu người nam người nữ gây ra việc Vô gián này, gọi là năm Vô gián, cũng gọi là Vô gián đẳng”. Do không giác cảnh bên ngoài tự tướng cộng tướng, nghĩa là không biết các pháp tự tướng, cộng tướng là do tự tâm hiện lượng, chính do mê thức thứ tám, chỉ còn bảy thức. Chỉ bảy thức vọng giác mà làm nghĩa Phật, chẳng phải hạnh của ba thứ giải thoát vô lậu thì chẳng thể dứt bỏ. Vô lậu vốn là thiện mà nói ác cũng thuận theo nghĩa giết hại. Phát được tâm này dứt bỏ rớt ráo bảy thức Phật, tức là nghĩa làm thân Phật chảy máu. Kinh Nhập Lăng-già chép: Dứt bỏ Tám thức thân Phật kia, lấy chín thức làm thức Phật, tám thức làm thân Bồ-tát, vì thể kia thuộc vô minh. Đây là năm Vô gián. Từ “nếu người nam trở xuống là tổng kết”.

8. *Nói về năm Vô gián bên ngoài:*

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Có ngoại Vô gián, nay ta sẽ giải thích ông và các Đại Bồ-tát khác nghe nghĩa này rồi, ở đời vị lai chẳng rơi vào ngu si. Thế nào là năm Vô gián? Nghĩa là trước đã nói Vô gián, nếu người nào gây ra pháp này thì đối ba môn giải thoát mỗi môn chẳng

được pháp Vô gián v.v... Trừ người này ra, còn các vị hóa thân lực hiện Vô gián đẳng, như Thanh văn hóa thân lực, Bồ-tát hóa thân lực, Như lai hóa thân lực, vì người khác gây ra tội Vô gián để dứt nghi và hối quá. Vì khuyến phát nên dùng thân thực biến hóa, hiện Vô gián đẳng, không phải một bề gây ra tội Vô gián mà chẳng mắc tội Vô gián đẳng. Trừ người giác tự tâm hiện lượng lia thân tài vọng tưởng, lia ngã và ngã sở nhiếp thọ, hoặc khi gặp thiện tri thức giải thoát vọng tưởng nối nhau trong các cõi”. Năm Vô gián bên ngoài: ngoại là đối với nội. Vì chỉ cho năm Vô gián trước là trong, do thật gây ra nghiệp Vô gián là ngoài. Trên nói thực hành năm Vô gián được chứng Thánh trí, sợ người cho rằng thật gây ra nhân Vô gián cũng không chịu ác báo, cho nên lại nói đây: Nếu nghe việc năm Vô gián bên ngoài nghiệp báo không khác nhau thì bất sinh nghi ngờ, cho nên nói chẳng rơi vào ngu si. Nói trước đã nói: nghĩa là đối với các giáo khác từng nói Vô gián. Nếu gây ra nghiệp Vô gián này chắc chắn rơi vào địa ngục A-tỳ, đâu được ba pháp giải thoát Vô gián v.v... ư! Dưới đây là nói quyền tạo, quyền sẽ dẫn thật, Kinh Nhập Lăng-già chép: Thấy kia có gây ra nghiệp Vô gián, vì muốn khuyến phát giúp cho kia sửa lỗi, nên dùng năng lực thần thông thị hiện đồng với việc kia. Tâm tức là sám hối trừ tội chứng được giải thoát. Có chỗ nói rằng thực hành chẳng phải đạo, thông đạt Phật đạo, như Điều-đạt và vua A-xà-thế v.v... không có trở xuống: Là nói không có thật tạo mà không chịu quả báo Vô gián. Nhưng thật tạo chưa hẳn là không bao giờ đắc pháp ba giải thoát, cho nên nói trừ giác tự tâm hiện lượng, v.v... ý nói nếu rõ được các pháp duy tâm, trong không thấy thân, ngoài không thấy tài, lia chấp người pháp. Hoặc ở đời vị lai thọ sinh trong các đường, gặp thiện tri thức lia lỗi phân biệt, đều được giải thoát.

9. Đức Thế tôn nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Tham dục gọi là mẹ
Vô minh gọi là cha
Giác cảnh thức là Phật
Các sử là La-hán
Ấm nhóm gọi là tăng
Vô gián thứ lớp dứt
Gọi là năm Vô gián
Chẳng vào ngục Vô trạch”.*

Trong bài tụng này, phần trên nói về năm Vô gián bên trong.

10. Bồ-tát Đại Tuệ hỏi về sở tri sở giác:

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin giảng nói tri giác của Phật. Bạch Đức Thế tôn! Thế nào là tri giác của Phật? Phật bảo Đại Tuệ: giác người pháp vô ngã, biết rõ hai chướng, lìa hai thứ tử, dứt hai thứ phiền não, đó gọi là tri giác của Phật. Thanh văn, Duyên giác được pháp này cũng gọi là Phật. Do nhân duyên này nên ta nói Nhất thừa.

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Khéo biết hai vô ngã
Hai chướng phiền não dứt
Lìa hẳn hai thứ tử
Đó gọi tri giác Phật”.*

Vừa rồi nói đạo giác Nhất thừa, ấy nói vẫn còn tóm lược, mà chưa hề nói sở tri, sở giác là pháp gì, do đó ở đây lại thưa hỏi. Phật bèn bảo, biết rõ hai thứ vô ngã gọi là giác, biết rõ hai chướng đó gọi là tri, cứ xét luận bàn người pháp, chúng sinh và Phật bình đẳng, vốn không có hai chấp cái gọi là chân như giới nội dứt bất giả danh chúng sinh và Phật, đây là không chấp người. Trong tánh bình đẳng không có hình tướng tự tha, đây là không chấp pháp. Chúng sinh mê muội thành hai thứ ngã chấp, Như lai giác rõ bản tánh, hai chấp đều không, cho nên nói vô ngã. Hai chướng là hoặc chướng và trí chướng, tức hai thứ chấp trên là hoặc, hai không là trí. Đã do hai không nên có hai chấp kia, là vô hoặc chướng, trí năng không cũng mất, đó là vô trí chướng. Hai chướng là nhân sinh tử, nhân diệt nên quả diệt, cho nên nói lìa hai thứ tử. Hai thứ tử là sinh tử phần đoạn và sinh tử biến dịch. Hai phiền não là hai hoặc chung và riêng. Hai hoặc này còn mãi đến cực quả mới thể dứt hết. Liễu đạt được như vậy gọi là tri giác của Phật. Hai thừa tuy là Tiểu thừa nhưng có thể hồi tâm hướng về Đại, như Phật giác tri là Phật mà thôi! Cho nên nói cũng gọi là Phật, do đó mà nói Nhất thừa này. Văn trùng tụng rất dễ thấy.

11. Nói về bốn sanh của Phật:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Vì sao Đức Thế tôn ở trong đại chúng tuyên bố rằng: “Ta là tất cả Phật thời quá khứ và các thứ thọ sinh. Lúc bấy giờ ta làm vua Thánh Chuyển luân tên Mạn-đà, voi lớn sáu ngà và chim Anh Vũ, Thích-đề-hoàn-nhân, vị tiên Thiện Nhân... trải qua trăm ngàn đời như thế” nói kinh. Đạo của các Đức Phật ba đời đây là đồng, giác biết được trước sau, có quá khứ, hiện tại và vị lai khác nhau. Vì sao Thế tôn nói: Ta là các Đức Phật trong quá

khứ, lại nói các thứ thọ sinh thì khác hình tướng. Đại Tuệ nêu lên hai nguyên nhân này để hỏi. Kinh Bốn Sinh chép: Ở quá khứ Như lai từng thọ sinh, như làm vua Chuyển luân và làm Thích-đề-hoàn-nhân, vị tiên Thiện Nhân, voi lớn sáu ngàn và chim anh vũ, trong trăm ngàn đời.

12. Nói về bốn đẳng:

“Phật bảo Nay Đại Tuệ! Do Bốn đẳng nên Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác ở trong đại chúng tuyên bố rằng”: “Ta khi ấy làm Phật Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm Mâu-ni, Ca-diếp”. Thế nào là bốn đẳng? Nghĩa là tự đồng, ngữ đẳng, pháp đẳng và thân đẳng, đó gọi là bốn đẳng. Do bốn thứ đồng nên Như lai Ứng cúng Chánh đẳng giác ở trong chúng tuyên bố như thế”. Phật bảo do Bốn đẳng nên làm Phật Câu-lưu-tôn v.v..., là thuận theo câu hỏi trên nói ta là các Đức Phật trong quá khứ, “Bốn đẳng” nghĩa thấy ở văn dưới.

“Thế nào là tự đẳng? Hoặc chữ xưng ta là Phật, chữ kia cũng xưng tất cả các Đức Phật, chữ ấy tự tánh không có khác nhau, đó gọi là Tự đẳng”. Thế nào là ngữ đẳng? Nghĩa là ta có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng lời nói sinh. Các Đức Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác kia cũng có sáu mươi bốn thứ phạm âm nên tướng lời nói sinh cũng như thế, không thêm không bớt, không khác nhau tánh của Phạm âm thanh như Ca-lăng-tần-già. Thế nào là thân đẳng? Nghĩa là ta và pháp thân tướng tốt sắc thân của các Đức Phật không khác nhau. Trừ vì điều phục chúng sinh khác nhau ở các đường kia nên thị hiện các sắc thân khác nhau, đó gọi là thân đẳng. Thế nào là pháp đẳng? Nghĩa là ta và các Đức Phật kia được pháp ba mươi bảy phần Bồ-đề, trí lược nói Phật pháp không chướng ngại, đó gọi là bốn đẳng. Cho nên Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác ở trong đại chúng tuyên bố như thế. Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Ca-diếp Câu-lưu-tôn
 Câu-na-hàm là ta
 Do bốn thứ bình đẳng
 Ta vì Phật tử nói”.*

Bốn đẳng là chữ nói thân pháp có bốn thứ, đều bình đẳng. Tự đẳng, nghĩa là ta gọi là Phật, tất cả Như lai cũng gọi là Phật. Danh hiệu Phật không khác nhau, đó gọi là tự đẳng. Ngữ đẳng, nghĩa là ta có sáu mươi bốn thứ Phạm âm, tất cả các Đức Phật cũng giống như vậy, đó gọi là ngữ đẳng. Kinh Mật Tích Lực Sĩ nói âm thanh Phật có tám chuyển, đó là thể, nghiệp, cụ, vi, từng, thuộc, ư và hô, đó là tám chuyển thanh, mỗi chuyển thanh có đủ tám đức: điều hòa, êm ái, chắc thật, rõ ràng,

để hiểu không lầm lẫn, không tiếng cái nhỏ, tiếng to lớn, tiếng sâu xa. Tám nhân tám thì thành sáu mươi bốn thứ. Tần-già là tên chim, âm thanh chim này trong trẻo êm tai, hay hơn các loài chim khác, cho nên dẫn ra để dụ. Thân đẳng, nghĩa là ta cùng pháp thân, báo thân, ứng thân, hóa thân v.v... của các Đức Phật, tuy căn cơ khác nhau, ứng tích hoặc khác nhưng chỗ quy thú cũng chỉ là một mà thôi! Pháp đẳng: nghĩa là pháp đặc đạo phẩm không khác với các Đức Phật. Nói trí vô chướng ngại, nghĩa là được bốn đẳng này thì đối với tất cả các Đức Phật không có chướng ngại, cũng không mê muội đối với dấu dấu ứng hóa đồng khác của Như lai.

13. Nói về pháp duyên tự đắc và pháp bốn trụ:

“Đại Tuệ lại bạch Phật: như Thế tôn đã nói: ta từ đêm ấy được Tối chánh giác, cho đến đêm ấy vào Niết-bàn, ở khoảng giữa kia không nói dù chỉ một lời, cũng chẳng đã nói, sẽ nói, chẳng nói chánh là Phật nói”. Thế tôn! Như lai Ứng cúng Đẳng chánh giác, do đâu nói rằng không nói là Phật nói? Phật bảo Đại Tuệ: ta do hai pháp nên nói như thế. Hai pháp ấy là pháp duyên tự đắc và pháp bốn trụ, đó gọi là hai pháp, do hai pháp này nên ta nói như vậy”. Vì bốn đẳng có liên quan đến ngôn thuyên, cho nên lại dùng nghĩa từ đầu đến cuối không nói một chữ làm câu hỏi. Phật đáp dùng hai pháp ngã nhân, nghĩa là không có pháp để nói, gọi là Phật nói. Tự đắc tức tự chứng tu đức. Bốn trụ tức là vốn đầy đủ tánh đức. Tu tánh như một, đều lìa lời nói, cho nên ta nói như vậy.

a) Thế nào là pháp duyên tự đắc? “Nếu Như lai kia chứng đắc ta cũng chứng đắc, không thêm không bớt. Pháp duyên tự đắc cảnh giới rốt ráo lìa lời nói vọng tưởng, lìa văn tự hai đường”. Nói cảnh giới tự chứng rốt ráo không khác với các Đức Phật. Đây là sự nhiệm mầu tự đắc còn không thêm bớt, đâu thể đắc mà suy tư lời nói. Cho nên nói lìa lời nói... Kinh Nhập Lăng Già chép: lìa tướng lời nói, lìa tướng danh tự, lìa tướng phân biệt. Đó gọi là hai đường chưa rõ ràng.

b) “Thế nào là pháp bốn trụ? Nghĩa là đạo của bậc Tiên Thánh xưa như tánh vàng bạc v.v... là pháp giới thường trụ. Hoặc Như lai ra đời, hoặc chẳng ra đời pháp giới cũng thường trụ, như đường đến thành kia. Thí như có người đi ở chỗ hoang vắng thấy con đường bằng phẳng đi đến một ngôi thành xưa, liền theo đó vào thành được vui như ý. Nay Đại Tuệ! Ý ông nghĩ sao? Có phải người kia làm ra con đường ấy và làm ra các thứ vui trong thành chăng? Đáp: chẳng phải. Phật bảo Đại Tuệ: Ta và tất cả các Đức Phật đời quá khứ, pháp giới thường trụ cũng giống như vậy. Cho nên nói rằng: ta từ đêm ấy được Tối chánh giác,

cho đến đêm ấy nhập Niết-bàn, ở khoảng giữa kia không nói một chữ, cũng chẳng đã nói, sẽ nói”. Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Ta đêm ấy thành đạo
Đến đêm ấy Niết-bàn
Giữa hai thời gian này,
Ta không hề nói
Pháp duyên tự đắc trụ
Nên ta nói như thế
Phật kia cùng với ta
Đều không có khác nhau.*

Nói đạo của bậc Tiên Thánh xưa tức là pháp tánh đức của Phật trước đã chứng, như vàng cứng chắc chẳng phải do đúc luyện mà có. Pháp giới thường trụ cũng giống như vậy. Có chỗ nói có Phật, hay không Phật tánh tướng cũng thường như vậy. Lại nói pháp giới thường trụ, kiết cục vốn trụ trong pháp. Lại nói như con đường đi đến thành kia... ở đây ví dụ bao gồm chỗ quy về chỉ là một của hai pháp: tự đắc và bổn trụ. Nói con đường bằng phẳng là pháp bổn trụ, Sĩ phu vào thành hưởng vui, là pháp tự đắc. Do kia vốn có con đường, được theo đó mà vào, vào rồi yên ổn, đều chẳng phải vật bên ngoài. Nói tánh của hai pháp này vốn có, chẳng phải do lời nói suy tư mà được. Cái gọi là năm mươi năm Đại tạng giáo Đức Phật không nói một chữ, chẳng phải nói là không nói, bởi dùng lời bỏ lời, các Đức Phật ba đời kia quy về một đường. Văn kệ tụng đã nêu rõ, không cần giải thích.

14. Phật đáp câu hỏi và giải thích nghĩa:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại thỉnh Phật: cúi xin nói cho chúng sanh nghe tất cả pháp tướng hữu và vô hữu, giúp cho con và các Đại Bồ-tát khác lìa tướng hữu vô, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Thế tôn lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: “Thế gian này y có hai thứ, là y có và y không, rơi vào tánh và phi tánh, muốn thấy chẳng lìa, lìa tướng”, cho đến lý vắng lặng bất dứt, chẳng phải có chẳng phải không, chúng sinh mê muội điều này sẽ rơi vào hai bên, không thể trở lại gốc, cho nên Đại Tuệ vì chúng mà nêu câu hỏi. Phật trước thuận theo câu hỏi mà đáp, sau giải thích nghĩa kia. Y có hai thứ v.v... nghĩa là chúng sinh thế gian nương vào cảnh hữu vô, khởi chấp hữu vô, rơi vào tánh phi tánh, tức chấp hữu vô. Kiến chấp về dục cho rằng ưa thích chấp này, chẳng phải pháp ra khỏi

vọng cho là ra khỏi, cho nên nói không lìa, lìa tướng.

15. Giải thích Hữu tướng:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là thế gian năng hữu? Nghĩa là có thế gian do nhân duyên sinh, chẳng phải bất hữu, từ hữu mà sinh, chẳng phải không có mà sinh. Này Đại Tuệ! Kia nói như thế là nói thế gian không nhân. Này Đại Tuệ! thế nào là thế gian nương không? Nghĩa là nhận tánh tham, sân, si rồi, về sau vọng tưởng chấp đắm tham sân si, tánh phi tánh. Này Đại Tuệ! Nếu chẳng chấp có tánh, vì tánh tướng vắng lặng, nên cho là các Đức Như lai, Thanh văn, Duyên giác chẳng chấp tánh tham sân si là hữu, là vô. Nương hữu, v.v... trở xuống là giải thích hữu tướng, nghĩa là thật có nhân duyên thế gian mà sinh ra các pháp, chẳng phải không thật có, thật từ hữu mà sinh”. Nói chẳng phải không có sinh, nghĩa là năng sinh nhân duyên là có, vì đây chấp không là có. Lại bảo rằng: kia nói như thế là luận thuyết vô nhân của ngoại đạo. Nương vô... là giải thích vô tướng, nghĩa là trước thọ tánh ba độc rồi, sau vọng tưởng tánh, phi tánh kia. Phi tánh tức vọng tưởng là không, nếu không vọng thọ ba độc là có tánh thì vô sở chấp, vô chấp thì tánh tướng xưa nay vắng lặng, như Phật và hai thừa, không chấp tánh ba độc, là lìa kiến chấp có không.

16. Thế nào là phá hoại Phật pháp?

Này “Đại Tuệ! Trong đây những gì là hoại? Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Nếu kia chấp tánh tham sân si, sau không còn chấp. Phật bảo Đại Tuệ: lành thay! Lành thay! Ông hiểu như thế. Này Đại Tuệ! Chẳng những tham sân si tánh phi tánh là hoại, mà đối với Thanh văn, Duyên giác và Phật cũng là hoại. Vì sao? Vì trong ngoài không thật có, vì tánh phiền não khác và chẳng khác”. Như lai đã giải thích tướng hữu vô để thuận theo lời thưa hỏi của Đại Tuệ, đây là hai câu thắc mắc thưa hỏi, thế nào là phá hoại Phật pháp? Đại Tuệ là đáp chấp tánh ba độc là có, sau chấp là không, đó là nghĩa phá hoại. Đức Phật có thể nói lời ấy, là nói rằng: chẳng những chấp vô là hoại mà cũng hoại hai thừa và Phật. Vì kia nói hai thừa và Phật cũng vốn chấp ba độc là có, sau dứt ba độc là vô, được thành quả Thánh, cho nên nói cũng là hoại. Vì sao trở xuống là bậc Thánh liễu đạt các pháp trong ngoài đều không thật có, cũng biết rõ tánh phiền não, vốn lìa bốn câu: một, khác v.v... đâu có hoại.

17. Giải thích nguyên nhân không hoại:

Này “Đại Tuệ! Tham, sân, si, hoặc trong hoặc ngoài không thật có, tham sân si tánh không có thân, không chấp, chẳng phải Phật, Thanh

văn, Duyên giác là hoại. Phật, Thanh văn, Duyên giác, vì tự tánh giải thoát, vì trói buộc và nhân trói buộc chẳng có tánh. Nay Đại Tuệ! Nếu có người bị trói buộc thì lẽ ra nên có trói buộc là nhân phược. Nay Đại Tuệ! Như thế nói hoại, đó gọi là không có tướng”. Tham, sân, si trở xuống lại giải thích nguyên nhân không hoại nên nói hoặc trong hoặc ngoài, nghĩa là tánh ba độc ở trong, ngoài, khoảng giữa tìm cầu đều không thật có. Đã không thật có thì đâu có thể tánh để chấp ư! Cho nên tổng kết nói rằng: chẳng phải Phật, Thanh văn, Duyên giác là hoại, vì Phật cùng hàng Nhị thừa bản tánh giải thoát chẳng trói buộc, chẳng thoát. Lại nói nếu có trói buộc, nghĩa là trước thọ mà sau không chấp thì đã có trói buộc, trói buộc là quả quả phải có nhân, nhân tức tham v.v... Có trói buộc thì có hoại, như vậy nói hoại tức là rơi vào đoạn diệt, kiến chấp không, nên nói tướng hữu vô.

18. Thà chấp người chứ đừng chấp không:

Nay “Đại Tuệ! Do đó nên ta nói thà chấp người như núi Tu-di, chứ chẳng khởi chấp không, vô sở hữu, tăng thượng mạn. Nay Đại Tuệ! không thật có tăng thượng mạn, đó gọi là hoại, rơi vào kiến chấp tự tướng, cộng tướng mong mỏi, chẳng biết tự tâm hiện lượng. Thấy ngoại tánh vô thường sát-na lần lượt hoại, ấm giới nhập nối nhau trôi chảy thay đổi, lìa tướng văn tự vọng tưởng, đó gọi là hoại”. Thà chấp chấp người v.v... do Đại đưa tới tiểu, nói về lỗi của chấp không, chấp người tức ngã kiến. Nói tăng thượng mạn, nghĩa là pháp tăng thượng mạn của tự mình, thành ra kiến mạn. Kinh dạy: chưa đắc nói đắc, chưa chứng nói chứng, tức là người ấy. Điều ác về Chấp người có hạn, tăng thượng mạn chấp không thì không pháp nào không bỏ, đó gọi là hoại. Cho nên nói rằng: Thà khởi chấp người bằng núi Tu-di, chứ đừng khởi chấp không. Rơi vào kiến chấp tự tướng, cộng tướng... nói do khởi chấp không, vì từ vô thỉ khởi chấp tự sinh, cộng sinh, đối với dục lạc không hiểu rõ các pháp duy tâm, chấp có pháp bên ngoài, niệm niệm sinh diệt xoay vần biến hoại. Cái gọi là ấm nhập giới nối nhau trôi chảy biến diệt, chấp thật pháp này diệt rồi trở về không, đó là chấp không. Còn như lường đối phân biệt lìa tướng văn tự cũng thành nghĩa hoại.

19. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Hữu vô là hai bên
Cho đến cảnh giới tâm
Trừ sạch cảnh giới kia
Tâm bình đẳng vắng lặng*

Không chấp tánh cảnh giới
 Diệt phi, vô sở hữu.
 Có việc đều như như
 Như cảnh giới hiền Thánh
 Không chửi mà có sinh
 Sinh rồi mà lại diệt
 Nhân duyên có, chẳng có
 Chẳng trụ giáo pháp ta
 Phi ngoại đạo, phi Phật
 Phi ngã, cũng phi khác
 Nhân duyên nhóm họp khởi,
 Làm sao mà không được
 Ai họp nhân duyên có.
 Mà lại nói rằng không?
 Tà kiến luận sinh diệt
 Vọng tưởng chấp hữu vô
 Nếu biết không chỗ sinh
 Cũng lại không chỗ diệt
 Quán đây đều vắng lặng,
 Hữu vô đều xa lìa”.

Tám câu tụng trước là nghĩa chánh của nội giáo.

Vô chửi mà có sinh trở xuống, bài tụng này chấp sinh diệt có không, chẳng phải giáo pháp của ta. Bốn câu Phi ngoại đạo v.v... Phật là pháp do ta nói sinh ra, chẳng phải Phật chẳng phải ngoại đạo tạo tác, cũng chẳng phải thần ngã và nhân khác làm ra, chính là do nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi. Nhưng do có khởi lời nói không được nói là không. Ai nhóm họp nhân duyên v.v... ý nói pháp do nhân duyên sinh chẳng phải ta có thể được, gì là có gì là không. Nếu phạm phù tà kiến sở luận, đó là vọng chấp có bất sinh diệt. Nếu biết sinh vốn bất sinh, diệt cũng chẳng diệt, tự nhiên khế hợp vắng lặng, không rơi vào hai thứ kiến chấp hữu vô, cho nên nói hữu và vô đều lìa.

20. Muốn khéo hóa đạo thì tông và thuyết đều phải thông:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin vì con và các Bồ-tát nói tướng của tông thông. Nếu khéo phân biệt tướng của tông thông thì con và các Bồ-tát thông đạt tướng ấy, thông đạt tướng ấy rồi mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng theo giác tướng và các ma ngoại đạo. Phật bảo Đại Tuệ: lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ Bạch Phật:

Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có hai thông, là tông thông và thuyết thông”. Muốn khéo hóa đạo thì tông thuyết đều thông phải, mới hướng dẫn chúng sinh đi đến đường chánh đạo được. Vì tông là nguồn gốc của đạo, thuyết là dấu vết của giáo. Tông để nêu rõ thú, thú không rõ thì lạc mất phương hướng quay về. Giáo để giảng giải lý, lý mờ mịt thì sẽ vào chỗ mê muội, cho nên tông thông mà thuyết chẳng thông thì lý tuy tinh tế mà không hiển hiện được, còn thuyết thông mà tông chẳng thông thì nói tuy rõ ràng mà chẳng quan trọng. Nhưng thật tướng hai thứ này phải là dụng, không thể phế bỏ. Đại Tuệ thỉnh nói về tướng tông thông mà không đề cập đến thuyết thông, nêu lên điều quan trọng, tông thông thì thuyết thông ở trong đó, trong đó đáp chung cả hai, văn sau nói rõ.

21. Nói riêng về tông thông:

Này “Đại Tuệ! Tông thông nghĩa là duyên theo tướng tự đắc thắng tiến, xa lìa vọng tưởng lời nói văn tự, đến cõi vô lậu tự giác địa tự tướng, xa lìa tất cả giác tướng luống dối, hàng phục tất cả ngoại đạo các ma, duyên tự giác thú, ánh sáng chiếu soi, đó gọi là tướng tông thông”. Tông thông, tức là tự chứng tướng tốt đẹp, nghĩa là nương giáo pháp suy nghĩ tu hành, được ý quên lời, lìa xa văn tự phân biệt, vào trụ địa đắc vô sinh nhẫn, vượt qua ba thừa Thánh trí, tự nhiên hàng phục ngoại đạo, đạt đến Phật địa, rốt ráo giác trí xán lạn chiếu soi. Đây là tướng Tông thông chí cực.

22. Nói riêng về thuyết thông:

“Thế nào là tướng Thuyết thông? Nghĩa là nói chín bộ giáo pháp, lìa tướng khác, chẳng khác, có, không... do phương tiện khéo léo thuận theo chúng sinh, như ứng theo nói pháp khiến được độ thoát, đó gọi là tướng thuyết thông”. Này Đại Tuệ! Ông và các Bồ-tát khác phải nên tu học. Tướng thuyết thông, là tướng nói pháp hợp căn cơ. Chín bộ, là chín bộ trong mười hai bộ, nhưng có Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau. Nếu Tiểu thừa thì chín bộ, không có ba bộ Phương Quảng, Vô Vấn Tự Thuyết và Thọ Ký. Như kinh dạy: Chín bộ pháp của ta là nói theo căn cơ chúng sinh. Nếu Đại thừa chín bộ thì không có ba bộ: Nhân duyên, Thí dụ, luận nghị. Như bộ Diệu Huyền đây là từ riêng mà đáp, thông luận có mười hai bộ, cũng nói mười hai phần giáo. Trong đây nói chín bộ, đã nói dùng phương tiện khéo léo nói thuận theo chúng sinh, chính từ Tiểu thừa nhập vào Đại thừa. Nói lìa khác, chẳng khác, có, không, nghĩa là lìa bốn câu đã không ngại bốn thuyết, lại nói: Như nên nói pháp, nên tức là phải. Sẽ dùng pháp gì để nói, nghĩa là vì chúng sinh

mà nói giúp cho họ được độ. Đây là kiết quả sau khi Như lai nói tướng thuyết thông, là Bồ-tát chẳng thể không học.

23. Đức Phật nói tụng để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

a) *“Tông thông và thuyết thông
Duyên tự và giáo pháp
Khéo thấy khéo phân biệt
Không theo các giác tưởng”.*

Ba câu đầu là nói tướng của hai thông, khéo thấy là tông thông. Phân biệt là thuyết thông. Không theo các giác tưởng, nghĩa là đặc tướng hai thông, thì không theo vọng tưởng gương giác của ngoại đạo.

b) *“Chẳng có tánh chân thật,
Như kẻ ngu vọng tưởng.
Vì sao khởi vọng tưởng
Phi tánh làm giải thoát?”*

Nếu chưa được chân như thật tánh mà khởi phân biệt, thì như kẻ ngu vọng tưởng không khác. Vọng tưởng là gì? Tức là vọng chấp các pháp phi tánh cho là giải thoát, phi tánh tức là vô.

c) *“Quán sát các hữu vi
Sinh diệt thấy nối nhau
Thêm lớn hai chấp này
Điên đảo không hiểu biết
Một đó là chân đế
Không tội là Niết-bàn
Quán sát vọng tưởng đời
Như mộng, huyễn, cây chuối”.*

Đức Như lai dùng mắt trí tuệ chân chánh quán sát các pháp hữu vi thế gian, đều hư huyễn sinh diệt, vọng chấp là thật, thêm lớn hai chấp hữu vô. Phàm phu điên đảo không hiểu biết, trừ một tâm mẫu nhiệm chân như Niết-bàn, ngoài ra đều là luống dối, cho nên dụ rằng: Như huyễn, mộng, cây chuối. Vô tội, nghĩa là biết rõ tội tánh vốn không, tức là Niết-bàn.

d) *“Tuy có tham, sân, si
Mà thật không có người
Từ ái sinh các ấm
Hữu đều như huyễn, mộng”.*

Đây là giải thích lại nghĩa như huyễn... Nói tuy có ba độc, mà không có người năng khởi, vì hai ngã vốn không thì làm gì có ba độc.

Cho nên năng sinh ái dục và năm ấm sở sinh đều như mộng huyễn.

24. Tận nguồn vọng tưởng thì chân tánh tự sáng suốt:

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin nói cho chúng con nghe tướng vọng tưởng chẳng thật. Vọng tưởng chẳng thật vì sao lại sinh? Nói pháp gì gọi là vọng tưởng chẳng thật? Đối với pháp nào là vọng tưởng chẳng thật? Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! Ông khéo hỏi Như lai nghĩa như thế, được nhiều lợi ích an vui, thương xót tất cả người, trời ở thế gian. Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Thế tôn Lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Do các thứ nghĩa, các thứ vọng tưởng chẳng thật chấp đắm vọng tưởng sinh. Nay Đại Tuệ! Chấp đắm năng nhiếp, sở nhiếp chẳng biết tự tâm hiện lượng, rơi vào kiến chấp có không, thêm lớn vọng tưởng tập thói quen kiến chấp ngoại đạo, chấp đắm các thứ nghĩa bên ngoài, tâm, tâm sở vọng tưởng chấp đắm làm ngã, ngã sở mà sinh”. Hết vọng tưởng sẽ đến chỗ cùng cực, nêu bày chân tánh sẽ cùng tận nguồn gốc, tận nguồn kia thì chân tánh tự sáng suốt, cực đến kia thì vọng tưởng đâu có. Cho nên Đại Tuệ thưa hỏi tướng vọng tưởng không thật Phạm, gồm có ba nghi vấn: 1. Vì sao vọng tưởng sinh. 2. Pháp nào gọi là vọng tưởng? 3. Do đâu mà khởi vọng tưởng? Đức Phật theo thứ lớp trả lời.

Ban đầu đáp các nghĩa: Hễ ngoài các pháp có các tướng nghĩa đều là luống dối, do vọng tưởng mà sinh mới sinh ra các thứ vọng tưởng chấp chặt không thật. Tiếp theo đáp chấp chặt năng nhiếp, sở nhiếp, nghĩa là đối với chấp đắm căn trần không biết duy tâm hiện và rơi vào kiến chấp hữu vô, chấp các thứ ngoài tâm, các kiến chấp ngoại đạo y theo đó mà thêm lớn, đều là pháp vọng tưởng, biết pháp kia thì biết nguyên nhân của vọng. Sau cùng là đáp thói quen vọng tưởng, v.v... tức là chỗ nương ở trên. Lại nói rằng: tâm, tâm sở, vọng tưởng chấp đắm ngã, ngã sở sinh, tức nhân ngã và pháp ngã là chỗ đó. Biết nơi ấy thì biết nguồn gốc của vọng tưởng. Nguồn gốc đã không thật thì vọng liền diệt.

25. Lập lại ý trên để nêu câu hỏi sau:

“Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Nếu các thứ nghĩa, các vọng tưởng không thật, chấp chặt vọng tưởng sinh, chấp đắm năng nhiếp, sở nhiếp không biết tự tâm hiện lượng, và rơi vào kiến chấp hữu vô, kiến chấp ngoại đạo vọng tưởng tập khí các nghĩa bên ngoài thêm lớn, vọng tưởng tâm, tâm sở chấp đắm ngã, ngã sở sinh. Thế tôn! Nếu như thế thì các thứ nghĩa tướng bên ngoài rơi vào tướng có không, lìa tánh và phi tánh, lìa kiến, tướng. Bạch Đức Thế tôn! Đệ nhất nghĩa

cũng giống như vậy, lia tướng lượng căn, phần, thí, nhân. Bạch Đức Thế tôn! Vì sao một chỗ thì nghĩa vọng tướng chẳng thật, các tánh chấp tướng vọng tướng sinh? Chỗ thì chẳng chấp đấm tướng Đệ nhất nghĩa vọng tướng sinh? Chẳng lẽ Thế tôn nói về tà nhân luận sao! Nên nói một sinh một chẳng sinh”. Đại Tuệ bạch Phật rằng trở xuống là lặp lại ý trên để sinh khởi câu hỏi sau, ý nói Phật nói như thế, thì đối với các nghĩa bên ngoài chấp đấm, rơi vào tướng có không, cũng là tánh lia có không, lia các kiến tướng. Nhưng Đệ nhất nghĩa cũng là lia tướng các căn, lượng, tông, nhân, dụ, ý cho các nghĩa bên ngoài không khác với Đệ nhất nghĩa, vì sao nói các nghĩa sinh phân biệt, Đệ nhất nghĩa bất sinh phân biệt, đâu chẳng phải Thế tôn nói trái ý có khi sinh có khi bất sinh hay sao!

26. *Phật nêu lên để giải thích:*

“Phật bảo Đại Tuệ: chẳng phải vọng tướng một sinh một chẳng sinh. Vì sao? Vì vọng tướng hữu vô đều chẳng sinh, bên ngài hiện tánh, phi tánh. Giác tự tâm hiện lượng thì vọng tướng chẳng sinh. Nay Đại Tuệ! Ta nói những kẻ ngu vì tự tâm các tướng vọng tướng, sự nghiệp ở trước các thứ tánh tướng vọng tướng chấp đấm sinh. Làm sao kẻ ngu lia được chấp đấm ngã, ngã sở, lia lỗi nhân duyên năng tác sở tác, giác tự vọng tướng tâm lượng, thân tâm chuyển biến, rốt ráo hiểu rõ tất cả địa, cảnh giới Như lai tự giác, lia năm pháp, tự tánh, sự kiến vọng tướng! Do nhân duyên này nên ta nói vọng tướng từ các thứ chấp đấm nghĩa không thật sinh ra. Biết nghĩa như thật được giải thoát các thứ vọng tướng trong tự tâm”. Phật đáp do ngã chẳng phải luống dối phân biệt thế để có khi sinh có khi bất sinh Đệ nhất nghĩa. Sở dĩ trở xuống là nêu giải thích, sở dĩ sinh, bất sinh, nghĩa là hiểu biết vọng tướng có không, thấy ngoài pháp lia tánh, hiểu rõ duy tâm hiện, nên vọng tướng bất sinh, chẳng phải có Đệ nhất nghĩa để riêng. Nhưng vì phàm phu không hiểu tự tâm hiện, chấp năng tác, sở tác hữu vi sự nghiệp hiện ra, đối với các thứ ấy khởi các vọng tướng phân biệt chấp chặt! Chẳng có thể để riêng. Phật lại nghĩ các kẻ ngu mê muội rằng: Làm sao có thể lia nhân ngã, pháp ngã và lia lỗi nhân duyên năng tác, sở tác. Lại nghĩ rằng làm sao có thể giác vọng tướng đều tự tâm lượng, mà được thân tâm chuyển biến, rốt ráo hiểu rõ tất cả trí địa, đến cảnh giới tự chứng của Như lai. Lia năm pháp, ba tự tánh, sự kiến vọng tướng, sự tức danh tướng, kiến tức vọng tướng, đã khởi niệm như thế, nên ta nói vọng tướng từ chấp đấm các thứ luống dối chẳng thật mà sinh. Biết nghĩa như thật, nghĩa là có thể như thế mà hiểu rõ nghĩa như thật, thì được giải thoát dứt các vọng tướng.

27. Phật nói tụng để nhắc lại ý nghĩa ở trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

a) “Các nhân cùng với duyên
 Từ đây sinh thế gian
 Vọng tưởng chấp bốn câu
 Chẳng biết rõ ngã sở
 Thế gian chẳng có sinh
 Cũng lại chẳng bất sinh
 Không từ hữu vô sinh
 Cũng chẳng phi hữu vô
 Các nhân và các duyên
 Vì sao ngu vọng tưởng
 Chẳng có cũng chẳng không
 Cũng lại chẳng có không
 Như lai quán thế gian
 Tâm chuyển được vô ngã
 Tất cả tánh bất sinh
 Vì do từ duyên sinh
 Tất cả duyên tạo ra
 Tạo ra chẳng tự có
 Sự chẳng tự sinh sự
 Hữu có lỗi hai sự
 Vô có lỗi hai sự
 Chẳng có tánh thật có.”

Kệ từ đầu cho đến chẳng có tánh thật có, trong bài kệ, lỗi tạo ra nhân duyên, các nhân và các duyên, v.v... nghĩa là các pháp thế gian đều từ nhân duyên sinh, nhưng vọng tưởng là do chấp đấm pháp nhân duyên bốn câu hữu vô, v.v... Không biết lý mà Như lai thông hiểu, thế gian chẳng có sinh trở xuống là lìa tánh chấp bốn câu, nghĩa là các pháp vốn không có bốn tánh. Lại nói rằng: các nhân và các duyên v.v... vẫn tránh lỗi lầm trước, nghĩa là các pháp vốn không, vì sao kẻ ngu đối với pháp đó mà sinh vọng tưởng, chẳng những vốn không có tánh chấp bốn câu hữu vô mà cũng không chấp tướng bốn câu phi hữu phi vô, đầy đủ tánh tướng hai không như trong Đại luận. Nếu quán sát được như thế thì chuyển hai thứ chấp tánh tướng kia, được nhập trí người vô ngã, pháp vô ngã. Nhưng tánh thật chẳng sinh, từ duyên nên có, các pháp này đã từ duyên sinh thì pháp không tự thể. Lại nói rằng: sự không tự sinh sự thì sự tức quả. Hễ là pháp sở sinh có nhân thì có quả, như nghiệp nhân

chiêu cảm quả sinh tử. Nhân kia vốn bất sinh thì quả đâu thể tự sinh quả, nếu không có quả tự sinh quả thì có lỗi hai sự, nhậm vận lia tánh chấp có không, cho nên nói chẳng có tánh thật có.

*b) “Quán các pháp hữu vi
Lìa phan duyên sở duyên
Tâm lượng của vô tâm
Ta gọi là tâm lượng
Lượng là chỗ tự tánh
Duyên sinh hai đều lìa
Tánh rớt ráo diệu tịnh
Ta gọi là tâm lượng”.*

Từ đây đến cuối, trong bài tụng giác tự vọng tưởng tâm lượng hiển hiện cảnh giới tự giác của Như lai. Tám câu này nói lược về tâm lượng, không biết rõ các pháp duy tâm thì có cảnh sở duyên. Dùng chánh trí quán sát lia tâm năng duyên, cảnh sở duyên. Đã lìa năng sở thì không có tâm phân biệt, đó gọi là duy tâm. Cho nên nói là tâm lượng. Tuy hiểu rõ các pháp duy tâm nhưng còn có tánh chấp đối cảnh, chưa thể quên niệm năng duyên thì duyên tánh đều phải lìa mới gọi là rớt ráo tâm lượng trong Như lai tạng tâm. Duyên tánh, duyên là năng duyên, tánh là pháp sở duyên.

*c) “Lập bày ngã thế đế
Ấy là việc không thật
Các ấm thân lập bày
Vô sự cũng như thế
Có bốn thứ bình đẳng
Tướng và nhân tánh sinh
Thứ ba vô ngã thấy
Thứ tư tu, người tu”.*

Dưới đây nêu bày rộng về tâm lượng. Ngã thế đế là chấp nhân. Các ấm, ấm là chấp pháp. Nhưng hai thứ chấp này do tự tướng, cộng tướng cầu không thật sự để được, thì pháp đều bình đẳng, cho nên có bốn thứ chấp bình đẳng. Tướng là năm ấm, thì tướng và phi tướng bình đẳng. Tướng phải có nhân, nhân tánh và quả tánh bình đẳng, nhân quả đầy đủ nên có ngã, ngã và vô ngã bình đẳng. Hiểu rõ được vô ngã gọi là tu, thì hữu tu và vô tu bình đẳng.

*d) “Thói quen vọng tưởng chuyển
Có các thứ tâm sinh
Cảnh giới hiện bên ngoài*

*Là tâm lượng thế tục
Hiện ngoài chẳng thật có
Tâm thấy các thứ kia
Dựng lập làm thân tài
Ta nói là tâm lượng”.*

Vọng tưởng v.v... do vọng tưởng từ vô thỉ huân tập, thứ lớp chuyển sinh các thứ tâm thức, vọng tâm đã thấy có cảnh giới bên ngoài, đây là tâm lượng thế tục. Nhưng cảnh bên ngoài vốn không, do tâm chấp chặt mà thấy các tướng, tức năm trần v.v... Thân tài lập ra, nghĩa là năm thức thân tài tức vọng tưởng tâm lượng.

*d. “Lìa tất cả các kiến.
Và lìa tướng, sở tướng
Không đắm cũng bất sinh
Ta nói là tâm lượng
Phi tánh, chẳng phi tánh
Tánh, phi tánh đều lìa
Là tâm giải thoát kia
Ta nói là tâm lượng
Như như và mé không,
Niết-bàn và pháp giới
Các thứ thân ý sinh,
Ta nói là tâm lượng”.*

Bốn câu đầu nói nếu lìa được chấp nhân ngã chấp pháp ngã, lìa năng tướng, sở tướng, thì vô đắc vô sinh, đó gọi là tâm lượng chánh trí. Trong bốn câu nói lìa tánh chấp bốn câu hữu vô và lìa tâm năng lìa, cũng tức là tâm lượng chánh trí. Phi tánh tức phi hữu, phi phi tánh tức phi vô tánh. Phi tánh tức hữu vô, như Kinh Nhập Lăng-già chép. Bốn câu sau nói như như tức chân như. Mé không tức mé thật. Niết-bàn tức rốt ráo Đại Niết-bàn, Pháp giới tức pháp giới Phật, đây đều là một thể mà khác tên. Do lìa danh tướng vọng tưởng trước đến chỗ chánh trí. Do cùng cực chân như mé thật mà trụ trong pháp giới Niết-bàn năng thị hiện các thứ thân ý sinh, độ thoát chúng sinh, đó là tâm lượng Đệ nhất nghĩa tâm của Như lai.

28. Nói về ngữ:

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Như Thế tôn nói Đại Bồ-tát phải hiểu rành về ngữ, nghĩa. Thế nào là Bồ-tát hiểu rành ngữ, nghĩa? Thế nào là ngữ? Thế nào là nghĩa? Phật bảo Đại Tuệ: Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, ta sẽ nói cho ông

nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Thế tôn, lành thay! Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Thế nào là ngữ? Nghĩa là lời nói và vọng tưởng hòa hợp, nương vào cổ, họng, môi, lưỡi, răng, nướu, cằm, má, nhân đó ta nói lời nói vọng tưởng thói quen chấp chặt sinh, đó gọi là ngữ. “Như trước nói như như và pháp giới v.v... có câu hỏi khéo ngữ, khéo nghĩa”. Trong đây trước nói về ngữ, nghĩa là lời nói vọng tưởng v.v... Kinh Nhập Lăng-già chép: Ngữ, có chỗ nói rằng do phân biệt thói quen làm nhân, nương vào cổ họng, môi, lưỡi... mà phát ra các âm thanh, tương vắn tự đối với bàn nói, đó gọi là ngữ.

29. Hiểu rành về nghĩa:

Này “Đại Tuệ! Thế nào là nghĩa? Nghĩa là lia tất cả sự vọng tưởng, sự nói năng, đó gọi là nghĩa. Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát đối với nghĩa như thế ở riêng chỗ vắng vẻ văn tư tu tuệ, duyên tự biết rõ, hưởng đến thành Niết-bàn, thói quen chuyển biến rồi, cảnh giới tự giác quán xét nghĩa tướng khoảng giữa các địa mà thắng tiến, đó gọi là Đại Bồ-tát rành về nghĩa”. Nghĩa do ngữ hiển bày, nếu theo ngữ mà sinh kiến chấp thì chẳng những mất nghĩa mà còn quên danh cho nên thuận theo lia tướng vọng tưởng và tướng lời nói, phải do khế chứng mới gọi là hiểu rành về nghĩa, cho nên ở đây nói về đạo tu chứng. Nói ở một mình nơi vắng lặng văn tư tu tuệ, đối với chân như pháp giới, tùy danh nghĩa mà kia nghe, tư tu quán sát, duyên tự giác trí, thú hưởng Niết-bàn, chuyển vọng tưởng thói quen đã nói ở trước trở về cảnh giới tự giác, thực hành hành tướng thắng tướng ở các địa, đó gọi là hiểu rành về nghĩa.

30. Hiểu rành về ngữ hiểu rành về nghĩa:

“Lại nữa Này Đại Tuệ! Bồ-tát hiểu rành về ngữ nghĩa, quán ngữ và nghĩa chẳng khác, chẳng phải chẳng khác. Quán nghĩa và ngữ cũng giống như thế. Nếu ngữ khác với nghĩa thì chẳng do ngữ mà nói về nghĩa, nhờ ngữ nhập nghĩa như đèn soi cảnh sắc”. Ngữ là ngôn giáo năng thuyên, nghĩa là nghĩa lý sở thuyên, nghĩa là khéo hiểu rằng thuyên là thông đạt sở thuyên, khéo hiểu sở thuyên thông đạt năng thuyên. Vì y theo lời nói Đại thừa tuy có năng thuyên, sở thuyên, mà năng sở không hai, nên nói chẳng phải khác chẳng phải chẳng khác. Nghĩa tuy vọng ngôn phi ngôn không thể giải thích nghĩa, nhưng phải nhờ ngôn mà nhập vào nơi nghĩa, như đèn chiếu soi sắc, Kinh Nhập Lăng-già chép: thí như có người dùng đèn chiếu soi các vật, biết vật này ở chỗ ấy chỗ ấy, nghĩa là nói tánh văn tự lia tức là giải thoát, đó gọi là hiểu rành về ngữ, rành về nghĩa.

31. Chẳng thể nói thật có, chẳng thể nói thật không:

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Chẳng sinh chẳng diệt, tự tánh, Niết-bàn, ba thừa, Nhất thừa, tâm, tự tánh... Như nường ngôn nói nghĩa chấp đắm, rơi vào chấp dựng lập và chê bai, khác dựng lập khác vọng tưởng, các thứ vọng tưởng như huyền hiện. Thí như các thứ huyền, chúng sinh phàm ngu cho là khác vọng tưởng, chẳng phải Thánh hiền”: Đoạn này nói tùy theo lỗi chấp đắm lời nói, như bất sinh bất diệt v.v... tuy đều là lý tánh danh ngôn nhưng nếu nói thật có thì rơi vào chấp thường, nếu nói thật không thì rơi vào chấp đoạn, hướng chi các thứ khác ư! Khác dựng lập, khác vọng tưởng, nghĩa là nhờ lời nói mà dựng lập khác nhau mà khởi khác vọng tưởng chấp chặt, như thấy việc huyền chấp cho là thật, đó là kẻ ngu chấp, chẳng phải Thánh hiền.

32. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*Nói năng vọng tưởng kia
Dựng lập ra các pháp Vì
sự dựng lập kia
Chết rơi vào địa ngục
Trong ấm không có ngã
Ấm chẳng tức là ngã
Chẳng luống dối tưởng kia
Cùng lại chẳng vô ngã
Tất cả đều có tánh
Như phàm ngu vọng tưởng
Nếu thấy biết như thế
Tất cả nên thấy đế
Tất cả pháp vô tánh
Tịnh uest đều không có
Chẳng thật như kia thấy
Cũng không, chẳng thật có.*

Trong bốn câu đầu, ý nói lỗi nường lời nói mà sanh kiến chấp không tránh khỏi quả báo ác. Nói trong ấm không có ngã v.v... đây là chấp của ngoại đạo. Hợp với cái gọi là trong ấm có ngã, trong ngã có ấm, tức ấm là ngã, lia ấm là ngã, không nluống dối tưởng kia... nghĩa là tuy không như tà kiến của ngoại đạo kia đối với lời nói chấp đắm các thứ đều là ngã. Tất cả đều có tánh là chấp thường. Nếu nói tất cả pháp thật có tánh thì lẽ ra phải thấy đế, kia không thấy đế mà nói có tánh thì đó là thấy vọng mà thôi. Lại nói tất cả pháp vô tánh là chấp đoạn, đoạn thì tịnh uest không có, nên chẳng riêng ý này, nghĩa là không thật, v.v...

chẳng như kia thấy v.v...

33. Phân biệt về sự chân vọng của các pháp:

“Lại nữa Nay Đại Tuệ! Nay sẽ nói về Tướng trí thức, nếu khéo phân biệt tướng trí và thức thì ông và các Bồ-tát sẽ thông đạt tướng trí thức, chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Đại Tuệ! Trí kia có ba thứ: Đó là trí thế gian. Trí xuất thế gian và xuất thế gian thượng thượng. Thế nào là trí thế gian? Nghĩa là tất cả ngoại đạo, phàm phu chấp đắm hữu vô. Thế nào là trí xuất thế gian? Nghĩa là tất cả Thanh văn, Duyên giác rơi vào chấp đắm hy vọng tự tướng, cộng tướng. Thế nào là trí xuất thế gian thượng thượng? Nghĩa là các Đức Phật, Bồ-tát quán pháp không thật có, thấy chẳng sinh chẳng diệt, lìa các thứ có không. Như lai địa người pháp vô ngã, duyên tự đắc mà sinh”. Phân biệt về sự chân vọng của các pháp, nói về sự đúng sai của ngữ nghĩa, chẳng chuộng trí thức cho nên Như lai không đợi hỏi mà tự nói. Nhưng trí thức này có chung có riêng, nghĩa thấy trong văn. Ban đầu nói trí có ba thứ, y theo thế gian, xuất thế gian năng tri mà nói. Thế trí nói ngoại đạo, phàm người xuất gia không bảm thọ giáo Pháp Phật thì đều gọi là ngoại đạo; trí kia cùng cực tuy đến phi tướng, nhưng vọng chấp kia không ngoài hữu vô nên chỉ gọi là thế trí. Trong trí xuất thế, nói Nhị thừa rơi vào tự tướng, cộng tướng, do Nhị thừa quán sát ấm giới nhập, nhân duyên bốn đế, không ra ngoài trí tướng chung riêng. Nhàm chán sinh tử, ưa thích Niết-bàn, cho nên nói chấp đắm hy vọng. Trí xuất thế gian thượng thượng nói về quán pháp không thật có, nghĩa là các Đức Phật, Bồ-tát dùng trí thượng thượng, chiếu rõ các pháp đều rốt ráo không, vốn bất sinh diệt, lìa tướng có không, đến địa giác ngộ rốt ráo, lại không có sắc tướng kia đây, đâu có hai ngã, tự giác Thánh trí này không từ bên ngoài mà được.

34. phân biệt trí và thức:

Này “Đại Tuệ! Sinh diệt kia là thức, chẳng sinh chẳng diệt là trí. Lại rơi vào tướng, vô tướng, và rơi vào các tướng hữu vô, vì thức này siêu việt tướng hữu vô là trí. Lại nữa, tướng nuôi lớn là thức, chẳng phải tướng nuôi lớn là trí”, đây là y cứ ba thức ba trí mà đối chọn, nói pháp sinh diệt thuộc chín cõi là thức, pháp bất sinh diệt thuộc cõi Phật là trí. Tướng vô tướng, tướng thì nói có, vô tướng thì nói không. Do chín cõi không ngoài hai bên hữu vô, rơi vào không hữu là thức, siêu việt không hữu là trí. Nói nhân tướng là nói theo quả, nuôi lớn là thức, chính là nói cứ người pháp vô ngã ở trước nói. Văn có chỗ nói sắc v.v... nuôi lớn tâm, hễ mượn trần bên ngoài nuôi dưỡng bên trong là thức, không có sự

giúp đỡ mà tự được ở bên trong là trí.

35. *Nói về ba thứ trí:*

“Lại nữa có ba thứ trí, đó là trí sinh diệt, trí tự cộng tướng và trí bất sinh bất diệt. Lại nữa, tướng vô ngại là trí, cảnh giới, các tướng chướng ngại là thức. Lại nữa, tướng ba việc hòa hợp sinh phương tiện là thức, tướng vô sự phương tiện tự tánh là trí. Lại nữa, đặc tướng là thức, không đặc tướng là trí. Cảnh giới tự đặc Thánh trí chẳng ra chẳng vào, cho nên như trăng đáy nước”: Đây là ba thứ trí, là nói theo sự hiểu biết của một người, y theo văn bài kệ sau, tức ba thứ mà Như lai biết: Biết sinh diệt là trí Nhất thiết. Biết tự tướng, cộng tướng là trí đạo chủng, biết bất sinh bất diệt là trí Nhất thiết chủng. Chỉ một trí Phật mà có ba dụng, gọi là ba trí. Lại nói tướng vô ngại là trí, nghĩa là đối với ba trí trước, nhất tâm dung hòa dứt bỏ tướng vô nhiễm ngại, gọi là trí, trái lại thì gọi là thức. Lại nói ba việc v.v... ba việc tức căn, trần và ngã. Hòa hợp tương ưng mà sinh gọi là thức, vì đây không biết tướng của tự tánh. Nếu biết tánh tướng thì một niệm linh tri không nhờ duyên sinh cho nên nói vô sự phương tiện tự tánh tướng là trí, lại nói đặc tướng, không đặc tướng là thức trí, tướng tức là tướng của tánh tướng, tướng chỉ là một, mà có sự khác nhau về lia không lia, cho nên nói đặc, không đặc. Tự đặc, nghĩa là Như lai tự đặc cảnh giới Thánh trí. Vì không dùng danh tướng hình dáng, nên nói chẳng ra chẳng vào, như trăng đáy nước.

36. *Đức Phật nói kệ để nhắc lại nghĩa trên:*

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Nhóm họp nghiệp thành thức
 Chẳng nhóm họp là trí
 Quán sát tất cả pháp
 Thông đạt không thật có
 Liền được sức tự tại
 Nên gọi tên là tuệ
 Buộc cảnh giới là tâm
 Giác tướng sinh là trí
 Không thật có và thắng
 Trí tuệ từ ấy sinh”.*

Nói nhóm họp nghiệp, nhóm là chọn lấy, họp là gom lại. Do căn đối đối trần mà sinh chấp đắm, khởi nghiệp thiện ác chiêu cảm sinh tử, đó gọi là Thức. Hiểu rõ căn trần bật dứt đối đãi, vật ngã đều quên, bất sinh chấp chặt, gọi là trí, như vậy quán sát nhân duyên sinh pháp, đương thể tức không, giải thoát tự tại, gọi là thượng thượng trí tuệ tức trí. Ngoài

tâm không có cảnh, không hiểu rõ duy tâm, bị cảnh xoay chuyển, đó gọi là trói buộc, tâm tức là thức. Giác được vọng tâm này thì gọi là trí. Không thật có trở xuống hai câu, nghĩa thấy đã giải thích ở trước.

37. *Chuyển thức thành trí:*

*“Tâm ý cùng với thức
Xa lìa tướng tư duy
Được pháp không nghĩ tưởng,
Phật tử chẳng Thanh văn
Nhãn tịch tịnh thắng tiến.
Trí thanh tịnh Như lai
Sinh ra nghĩa thiện thắng,
Việc làm đều xa lìa”.*

Tâm ý và thức gọi chung là Thức, trí xa lìa pháp nghĩ tưởng, được pháp không nghĩ tưởng, thì chuyển thức thành trí. Đây là Bồ-tát chứ chẳng phải Thanh văn. Ở đây là chỗ ban đầu của trí. Nhãn tịch tịnh thắng tiến tức trí nhãn vắng lặng của Như lai. Đây là chỗ cuối cùng của trí. Trí thanh tịnh này từ Đệ nhất nghĩa thiện thắng sinh ra nên những việc đã làm thấy đều xa lìa.

38. *Ba sở trí là do Như lai khai phát:*

*“Ta có ba thứ trí
Thánh mở bày chân thật
Đối kia suy nghĩ tưởng
Đều nhiếp thọ các tánh
Hai thừa chẳng tương ứng
Trí lìa các sở hữu
Chấp đắm nơi tự tánh
Từ các Thanh văn sinh
Vượt qua các tâm lượng
Như lai trí thanh tịnh”.*

Ba thứ trí v.v... bài tụng trên nói ba sở trí là do Như lai khai phát cho nên các pháp sinh diệt sở trí cũng đều chân thật. Đại luận chép rằng ba trí là nhất tâm. Đối kia suy nghĩ tưởng v.v... lại nêu ra hai trí ở trước để nói lên trí thượng thượng. Nghĩa là phàm phu kia do vọng tưởng phải chịu các sinh diệt, hàng người thừa trái lại cho nên không tương ứng, lìa các sở hữu mà lại chấp chặt tự tánh thì là trí hai thừa mà thôi. Nếu trí Như lai cùng tột thanh tịnh thì vượt ngoài tất cả tâm lượng.

39. *Ngoại đạo vọng chấp chín thứ chuyển biến luận:*

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! ngoại đạo có chín thứ chuyển biến luận,

ngoại đạo chuyển biến kiến chấp sinh, đó là hình xứ chuyển biến, tướng chuyển biến, nhân chuyển biến, thành chuyển biến, kiến chuyển biến, tánh chuyển biến, duyên phân minh chuyển biến, sở tác phân minh chuyển biến, và sự chuyển biến. Nay Đại Tuệ! Ấy gọi là chín thứ kiến chấp chuyển biến, các ngoại đạo do đó khởi chấp hữu vô, sinh chuyển biến luận. Thế nào gọi là hình xứ chuyển biến? Nghĩa là hình xứ thấy khác, thí như vàng biến thành các vật khác thì có các thứ hình xứ hiển hiện, chẳng phải tánh vàng có thay đổi. Tất cả tánh thay đổi cũng giống như thế. Hoặc có ngoại đạo khởi vọng tưởng như thế, cho đến vọng tưởng sự biến, vì vọng tưởng kia chẳng phải như, chẳng phải khác”. Đây là ngoại đạo vọng chấp chín thứ chuyển biến luận, đó là hình tướng, nhân, thành... không ra ngoài các pháp bốn đại, năm ấm... ngoại đạo thấy kia sinh diệt tướng khác cho nên chấp có chuyển biến, mà chánh giáo thì gọi là duyên sinh, là như huyễn, là tự tâm hiện, ngoại tánh phi tánh là bất biến v.v... Nhưng không hề có luận thuyết chắc chắn. Ở đây thì tá chánh, được mất đều phân biệt. Hình là thân hình, tướng là tướng sinh trụ diệt, nhân là nhân sở tác, thành là quả sở thành; kiến là theo vật thay đổi, tánh là đời đời không thay đổi; duyên là nhân duyên sinh diệt, Tác là tạo tác vô thường, sự là các pháp hữu vi. Đây là chín thứ. Nói nhân là nghĩ là có không, nghĩa là từ không mà có, hoặc là từ có mà không, đều do tướng chuyển biến không ra ngoài có không. Vì sao ở dưới giải thích hình xứ chuyển biến? Vì bốn đại các căn hình chất xứ, ngoại đạo thấy hình tướng tuy thời chuyển biến khác nhau, nghĩa là có chuyển biến mà không biết tánh không hề chuyển biến, vàng biến thành các vật, các vật tuy có khác nhau, nhưng tánh vàng không thay đổi. Lại nói rằng tất cả tánh biến chuyển cũng giống như vậy. Tánh tức là pháp. Nói tất cả pháp tuy thay đổi mà tánh không hề thay đổi cũng giống như vậy. Hoặc có ngoại đạo v.v... là tổng kết bác bỏ kiến chấp của ngoại đạo. Nói vọng tưởng kia chẳng phải như, chẳng phải khác, nghĩa là đối với chẳng phải như, chẳng phải khác kia mà sinh vọng tưởng phân biệt cho nên có sự khác nhau về các thứ chuyển biến.

40. Bác bỏ ngoại đạo chấp tánh chuyển biến:

“Tất cả tánh chuyển biến như thế nên biết như sữa, lạc, rượu, trái cây... đã chín. Ngoại đạo chuyển biến vọng tưởng, họ cũng không có chuyển biến. Hoặc có hoặc không tự tâm hiện ra tánh phi tánh. Nay Đại Tuệ! Chúng sinh phạm ngu như thế tự vọng tưởng tu tập sinh. Nay Đại Tuệ! Không có pháp hoặc sinh hoặc diệt, như thấy mộng huyễn sắc sinh”. Như thế tất cả tánh trở xuống là phá ngoại đạo chấp tánh chuyển

biến. Trước dùng ví dụ nói rằng phải biết, là răn bảo người học, phải biết kia chấp như sữa, lạc, rượu, trái cây... thứ lớp dần dần chín, kiến chấp của ngoại đạo cũng giống như vậy, nói theo lý mà nói thì vốn chẳng có thật, cho nên nói kia cũng không có chuyển biến, nhưng thật thì các pháp hữu vô v.v... đều do tự tâm hiện. Ngoại tánh phi tánh, là nói không có vật bên ngoài. Phạm ngu trở xuống, Kinh Nhập Lăng-già chép: Đều là phạm phu ngu muội từ thói quen phân biệt của mình mà sinh khởi, thật không có một pháp hoặc sinh hoặc diệt, như do mộng huyễn mà thấy các sắc, như gái bất dục nói có sinh tử, thế thì đối với sinh diệt mà bất sinh tà kiến là thế đế, thấy sinh diệt mà khởi chấp chặt là ngoại đạo. Thấy như mộng huyễn là do tu quán mà thông suốt, nên thấy các pháp đều tự tâm hiện. Biết rõ ngoại tánh phi tánh là luận thuyết chánh của kinh này.

41. Đức Thế tôn nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Hình xử thời, chuyển biến
Bốn đại chủng các căn
Trung ấm thứ lớp sinh Vọng
tướng chẳng minh trí Tối
thắng đối duyên khởi
Chẳng nluống đối tướng kia
Nhưng duyên khởi thế gian
Như thành Càn-thát-bà”.*

Bốn câu trước là nói tà chấp chuyển biến của ngoại đạo, nhưng đều là vọng tưởng phân biệt, kiến chấp chẳng phải minh trí. Bốn câu sau nói pháp do nhân duyên sinh do Đức Như lai nói tuy khác với kiến chấp của ngoại đạo nhưng cũng đều không thật tánh, cho nên nói như thành Càn-thát-bà.

“Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn! Cúi xin nói cho chúng con nghe ý nghĩa tất cả pháp nối nhau và nghĩa giải thoát. Nếu khéo phân biệt tướng tất cả pháp nối nhau và không nối nhau thì con và các Bồ-tát khéo hiểu phương tiện khéo léo tất cả không rơi vào chấp đắm nối nhau như nghĩa đã nói, khéo đối với tất cả các pháp, tướng nối nhau không nối nhau, và lìa lời nói văn tự vọng tưởng, đến khắp tất cả cõi nước của các Đức Phật, vô lượng Đại chúng năng lực tự tại thông, được ấn tống trì, các thứ biến hóa, ánh sáng chiếu soi, giác tuệ khéo nhập mười vô tận cú, không có hạnh phương tiện, ví như mặt trời, mặt trăng, ma-ni, bốn đại. Đối với tất cả địa lìa kiến chấp

tướng vọng tướng của mình, thấy tất cả pháp như mộng, huyễn v.v... nhập thân Phật địa. Đối với tất cả chúng sinh giới tùy sự mong mỏi của họ mà nói pháp dẫn đường cho họ, đều khiến họ an trụ tất cả pháp như mộng, huyễn... lia các thứ hữu vô và vọng tướng sinh diệt, nghĩa của các lời nói khúc, thân kia càng thêm tốt đẹp”. Như lai nói pháp vì muốn chúng sinh biết rõ các pháp vốn không có tánh chấp, mà đối với lời nói khởi kiến chấp, gọi là tướng nối nhau, hoặc đối với văn tự tánh lia gọi là không nối nhau, tức là sự giải thoát. Nối nhau, không nối nhau đây là căn bản của sinh tử giải thoát, cho nên Đại Tuệ cầu thỉnh nói nghĩa này. Nếu khéo phân biệt... nghĩa là Như lai vì khéo phân biệt hai thứ tướng này nên có thể khéo hiểu pháp này. Không rơi vào chấp đắm nối nhau như nghĩa đã nói và lia lời nói văn tự luống dối phân biệt vọng tướng, tức là phân biệt. Cho nên có thể đến khắp tất cả cõi Phật, tùy phương mà tiến đạo. Nói năng lực thần thông, ấn tổng trì, tức là pháp môn công đức đã được. Các thứ biến hóa... là nói khởi hóa dụng, phát ra ánh sáng chiếu soi các vật, khéo nhập Phật tuệ đầy đủ mười nguyện lớn, câu vô tận tức là nguyện. Nói không có hạnh phương tiện, tức là công hạnh vô tác. Ví như mặt trời, mặt trăng giữa không chẳng chỗ nương, như ngọc ma-ni tùy màu mà hiện, chứ không có tự tánh, như đất, nước, gió, lửa trùm khắp mà không ngăn ngại. Đây đều là tướng hóa đạo của Bồ-tát, cho đến trải qua các địa, lia các vọng tướng từng phần, thấy suốt các pháp như huyễn, như mộng, nhập Phật địa thành thân pháp tánh. Ứng hóa cùng khắp, tùy chúng sinh nói pháp, dần dần dẫn vào trong thật. Cũng rõ các pháp như huyễn, lia kiến chấp hữu vô, dứt chấp sinh diệt, không đắm lời nói. Về sau công đức hóa độ quy về mình thì thân tướng kia càng thêm tốt đẹp.

42. *Nói về chấp đắm nối nhau:*

“Phật bảo Đại Tuệ: lành thay! Lành thay! Lắng nghe! Lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, sẽ nói cho ông nghe. Đại Tuệ bạch Phật: Xin vâng thọ giáo. Phật bảo Đại Tuệ: Vô lượng tất cả pháp, như nghĩa đã nói, chấp đắm nối nhau. Cái gọi là tướng chấp đắm nối nhau, duyên chấp đắm nối nhau, tánh phi tánh chấp đắm nối nhau, sinh bất sinh vọng tướng chấp đắm nối nhau, diệt bất diệt vọng tướng chấp đắm nối nhau, thừa phi thừa vọng tướng chấp đắm nối nhau, hữu vi vô vi vọng tướng chấp đắm nối nhau, địa địa tự tướng vọng tướng chấp đắm nối nhau, tự vọng tướng Vô gián vọng tướng chấp đắm nối nhau, hữu vô phẩm ngoại đạo vọng tướng chấp đắm nối nhau, Tam thừa Nhất thừa Vô gián vọng tướng chấp đắm nối nhau”. Trong đây đáp trước hết nêu lên các tướng

nổi nhau. Nói vô lượng v.v... Nghĩa là mười giới, y báo chánh báo, sắc tâm trong mười cõi. Bắt đầu ở lời nói, cuối cùng ở không lời nói, dứt bỏ tâm chấp chặt kia, vì không thích hợp cho nên chẳng nổi nhau. Vì thế nói như nghĩa đã nói chấp đấm nổi nhau, nghĩa là tùy theo lời mà sinh hiểu biết. Trong đây nói, ban đầu y theo pháp thế gian, nghĩa là tướng tức năm ấm, duyên là sở duyên trần cảnh. Tánh phi tánh tức hữu vô, sinh bất sinh tức sinh tử, diệt bất diệt tức vắng lặng, không vắng lặng. Thừa phi thừa tức nội giáo và với ngoại đạo. Nói thừa nghĩa là vận tải, Đại thừa, Tiểu thừa thì năng chuyên chở chúng sinh vượt khỏi sinh tử mà đến Niết-bàn, ngoại đạo sở thừa không thể chuyên chở chúng sinh vượt khỏi sinh tử, nên gọi là phi thừa. Hữu vi, vô vi tức là pháp thế gian, xuất thế gian, cũng tác và vô tác. Địa địa tự tướng nghĩa là phân biệt danh tướng các địa. Tự vọng tướng Vô gián, Kinh Nhập Lăng-già chép: Tự phân biệt chấp đấm hiện chứng, đó là pháp ái, là căn bản mà ngoại đạo chấp đấm về phẩm Hữu vô. Tam thừa Nhất thừa Vô gián, nghĩa là đối với Đại thừa giáo, Tiểu thừa giáo phân biệt không xen hở.

43. Tổng kết bác bỏ các vọng tướng chấp đấm:

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Đây và chúng sinh phàm ngu khác, tự vọng tướng nổi nhau. Do sự nổi nhau này nên phàm ngu vọng tướng như tầm làm kén, do tơ vọng tướng tự trói, trói người, tướng có, không có nổi nhau chấp đấm”. Đây là tổng kết bác bỏ các vọng tướng chấp đấm trước đó. Đây và chúng sinh phàm ngu khác, là chỉ cho đệ tử trong nội giáo chấp còn nhẹ, các phàm phu khác, là chỉ cho ngoại đạo kia chấp rất nặng, cho nên nói phàm ngu vọng tướng, như tầm làm kén, dùng vọng tướng trói mình và trói người, không thể tự thoát được, cuối cùng rơi vào kiến chấp hữu vô, đoạn thường mà thôi!

44. Không có tướng nổi nhau và chẳng nổi nhau:

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Trong ấy cũng không có tướng nổi nhau và chẳng nổi nhau, vì thấy tất cả pháp vắng lặng nên vọng tướng chẳng sinh. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp vắng lặng. Lại nữa Đây Đại Tuệ! Giác ngoại tánh phi tánh, tự tâm hiện tướng không thật có, thuận theo quán sát tự tâm hiện lượng, hữu vô tất cả tánh vô tướng, thấy nổi nhau vắng lặng. Cho nên đối với tất cả pháp không nổi nhau, tướng chẳng nổi nhau. Lại nữa, Đây Đại Tuệ! Trong ấy không có hoặc trói hoặc mở, những người rơi vào sự giác tri không đúng như thật thì thấy có trói, có mở. Vì sao? Vì đối với tất cả pháp hữu, vô hữu, không có chúng sinh thật có”. Trong đây vẫn có ba đoạn: Nói trong ấy v.v... tức chỉ tướng nổi nhau không nổi nhau ở trước, nghĩa là không có hai tướng này, do

Bồ-tát thấy tất cả pháp trụ vắng lặng. Cho nên kinh nói: các pháp tướng xưa nay vốn vắng lặng, còn các pháp thế gian sinh diệt trôi chảy, làm sao thấy được sự vắng lặng kia; cho nên nói giác ngoại tánh phi tánh... nghĩa là hiểu rõ các pháp duy tâm, ngoài tâm không có pháp, quán như vậy có thể thấy pháp tướng hữu vô, thấy đều vắng lặng. Cho nên không có tướng nối nhau không nối nhau. Nói không có trói buộc, là do tướng nối nhau không nối nhau trước đều gọi là buộc, chỉ có quán trí vắng lặng mới gọi là mở. Nhưng trong như thật lý vốn không có buộc mở, sở dĩ có buộc, có mở là không chấp lý này. Đã nêu giải thích nói tất cả pháp hoặc có hoặc không, tìm câu thể tánh kia đều không thật có. Cho nên nói chẳng có chúng sinh thật có.

45. Tham, sân, si là nhân nối nhau năm đường là quả nối nhau:

“Lại nữa Đây Đại Tuệ! Kẻ ngu có ba thứ nối nhau: đó là tham, sân, si và ái, vị lai có hỷ ái, đều do sự nối nhau này nên có sự thù hờn nối nhau, nối nhau là tiếp nối trong năm đường. Đây Đại Tuệ! Nối nhau dứt thì không có tướng nối nhau, không nối nhau. Lại nữa, Đây Đại Tuệ! Ba duyên hòa hợp, làm phương tiện chấp đấm, nên thức nối nhau không xen hở sinh ra. Phương tiện chấp chặt thì có nối nhau. Ba duyên hòa hợp thức dứt thì được ba giải thoát, tất cả sự nối nhau chẳng sinh”. Tham sân si là nhân nối nhau. Năm đường là quả nối nhau. Do nhân quá khứ thành quả hiện tại. Hiện tại làm nhân lại chiêu cảm quả báo đời vị lai. Nói ái đời vị lai, nghĩa là tham ái đời sau như ý quả báo cùng chung với hỷ ái. Do ba độc này nối nhau nên có sự trôi lăn trong các đường. Nói đường, là sáu đường, vì Tu-la ở khắp năm đường nên chỉ nói năm đường. Nói nối nhau dứt, nghĩa là ba độc dứt thì lìa năm đường, nghĩa là nhân diệt thì quả diệt. Lại nói không có sự nối nhau không nối nhau, cũng gọi là không buộc, không mở, tức cảnh và trí đều luống dối. Ba duyên hòa hợp v.v... nói ngoại đạo vọng chấp ba duyên căn, trần, ngã hòa hợp, các thức thứ lớp nối nhau mà sinh. Lại nói phương tiện chấp chặt, là có chấp đấm thì nối nhau không xen hở. Nếu hiểu rõ ba duyên, lìa các chấp đấm, được ba thứ giải thoát thì nối nhau bất sinh. Ba giải thoát là tánh tịnh giải thoát, Viên tịnh giải thoát và phương tiện tịnh giải thoát. Vì hiểu rõ ba duyên thì ba giải thoát chẳng phải có riêng.

46. Đức Phật nói kệ để lập lại nghĩa trên:

Khi ấy, Đức Thế tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ rằng:

*“Vọng tưởng không chân thật
Là nói tướng nối nhau
Nếu biết chân thật kia*

*Lười nối nhau sẽ dứt Đối các tánh không
biết Tùy lời nói nhiếp thọ Thí như con
tằm kia Nhả tơ mà tự trôi
Kẻ ngu vọng tưởng trôi Không quán sát nối
nhau”.*

Sự nối nhau, không nối nhau trong bài tụng này, không ngoài chân vọng. Vọng thì nối nhau, chân thì không nối nhau. Nếu hiểu rõ vọng tức chân thì các pháp như một, đâu có nối nhau và không nối nhau! Nếu đối với các pháp không biết tùy ngữ mà chấp đăm, như tằm nhả tơ tự trôi mình, trôi người, không xen hở, do không quán sát, trái lại nếu quán nối nhau thì làm gì có.

